

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ  
TRƯỜNG CAO ĐẲNG KINH TẾ - KỸ THUẬT CẦN THƠ



## CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

**NGÀNH/NGHỀ: QUẢN LÝ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**

**MÃ NGÀNH/NGHỀ: 6850103**

**TRÌNH ĐỘ: CAO ĐẲNG** (hệ tốt nghiệp THPT)

*Ban hành kèm theo Quyết định số: 299/QĐ-KTKT, ngày 15 tháng 8 năm 2024  
của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Cần Thơ*

**NĂM 2024**



## CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

**Ngành, nghề:** Quản lý tài nguyên và môi trường

**Mã ngành, nghề:** 6850103

**Trình độ đào tạo:** Cao đẳng

**Đối tượng tuyển sinh:** tốt nghiệp THPT hoặc tương đương

**Thời gian khóa học:** 3,0 năm

### 1. Giới thiệu chương trình/mô tả ngành, nghề đào tạo

Quản lý tài nguyên và môi trường trình độ cao đẳng là ngành, nghề thực hiện các công việc thuộc lĩnh vực môi trường như: Quản lý tài nguyên rừng, quản lý tài nguyên nước, quản lý nguồn tài nguyên đất ngập nước của vùng, các kỹ thuật xử lý nước thải, đánh giá tác động đến môi trường của các dự án phát triển, quản lý môi trường trong các khu công nghiệp, ứng dụng hệ thống thông tin địa lý vào quản lý môi trường. Ngoài ra, ngành còn đào tạo các kiến thức pháp luật, thanh tra kiểm tra trong công tác bảo vệ môi trường, đáp ứng yêu cầu bậc 5 trong Khung trình độ quốc gia Việt Nam.

Ngành Quản lý tài nguyên và môi trường được ứng dụng trong các lĩnh vực của đời sống xã hội, tại các doanh nghiệp tư vấn và quản lý môi trường trong các doanh nghiệp nhằm đảm bảo môi trường sống để phát triển bền vững.

### 2. Mục tiêu đào tạo

#### 2.1. Mục tiêu chung

Đào tạo sinh viên ngành Quản lý Tài nguyên và Môi trường trình độ cao đẳng có phẩm chất chính trị; có đạo đức nghề nghiệp và sức khoẻ tốt, hiểu và vận dụng hệ thống những lý luận cơ bản liên quan đến nghiệp vụ chuyên môn, kiến thức chuyên môn về các phương thức quản lý để sử dụng hợp lý các tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ và cải thiện môi trường, giúp cho tài nguyên và môi trường của đất nước được quản lý và sử dụng bền vững.

#### 2.2. Mục tiêu cụ thể

##### 2.2.1. Kiến thức

- Trình bày được nội dung cơ bản một số văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến việc xây dựng, quản lý khai thác và bảo vệ môi trường;
- Trình bày được các kiến thức cơ bản về kỹ thuật đo đạc quan trắc môi trường;
- Giải thích được quy trình vận hành hệ thống xử lý nước thải và chất thải rắn;



- Trình bày được nguyên tắc và kỹ thuật đo nhanh tại hiện trường (dùng thiết bị xách tay hoặc KIT đo nhanh) một số thông số cơ bản về chất lượng nước thải, nước cấp cho sinh hoạt;
- Trình bày được nguyên tắc, phương pháp xác định một số đặc trưng của chất thải rắn và chất thải nguy hại: tỷ trọng, nhiệt trị, thành phần và phân loại chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại;
- Trình bày được những kiến thức cơ bản về chính trị, văn hóa, xã hội, pháp luật, quốc phòng an ninh, giáo dục thể chất theo quy định.

### **2.2.2. Kỹ năng**

- Xác định được vị trí, điều tra, đánh giá môi trường nước thải, nước cấp, khí thải, chất thải rắn;
- Thu thập, rà soát thông tin, dữ liệu trước khi thực địa và triển khai công tác điều tra, đánh giá môi trường nước thải, nước cấp, khí thải, chất thải rắn;
- Thu thập thông tin, dữ liệu cho hoạt động đánh giá tác động môi trường của các dự án phát triển;
- Phân tích, đánh giá được hiện trạng, diễn biến môi trường nước thải, nước cấp, khí thải, chất thải rắn;
- Vận hành, quản lý các công trình xử lý nước thải, nước cấp và chất thải rắn;
- Phát hiện và báo cáo kịp thời những hiện tượng không bình thường, sự cố xảy ra khi vận hành công trình;
- Đo đạc, kiểm tra, đánh giá chính xác hiện trạng các hạng mục công trình trong hệ thống công trình xử lý môi trường;
- Sử dụng được các công cụ trợ giúp hiện đại như phần mềm máy tính, các thiết bị đo đạc và thí nghiệm để có thể nghiên cứu hay theo học các chương trình cao hơn;
- Sử dụng được công nghệ thông tin cơ bản theo quy định; khai thác, xử lý, ứng dụng công nghệ thông tin trong công việc chuyên môn của ngành, nghề;
- Sử dụng được ngoại ngữ cơ bản, đạt bậc 2/6 trong Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam; ứng dụng được ngoại ngữ vào công việc chuyên môn của ngành, nghề.

### **2.2.3. Năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm**



- Chấp hành tốt các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước. Tuân thủ đúng các qui trình, tiêu chuẩn kỹ thuật có liên quan trong hoạt động nghề nghiệp. Có ý thức tổ chức kỷ luật cao, thực hiện tốt trách nhiệm và nghĩa vụ của cá nhân đối với đơn vị, cộng đồng, xã hội;
- Có đạo đức nghề nghiệp, yêu nghề, tác phong làm việc nghiêm túc, khoa học, trung thực trong hoạt động nghề nghiệp và có ý chí vươn lên;
- Có ý thức tự học tập, nghiên cứu để nâng cao trình độ và năng lực chuyên môn nghiệp vụ;
- Có kỹ năng làm việc độc lập, làm việc theo nhóm, có kỹ năng giao tiếp;
- Chịu trách nhiệm với kết quả công việc của bản thân và nhóm trước lãnh đạo cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp.
- Có ý thức trong sử dụng và tiết kiệm năng lượng hiệu quả;
- Có khả năng giải quyết công việc, vấn đề phức tạp trong điều kiện làm việc thay đổi;
- Hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ xác định; chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm.

### **3. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp**

- Sinh viên tốt nghiệp ngành Quản lý tài nguyên và Môi trường trình độ Cao đẳng có thể làm việc với cương vị chuyên viên ở các đơn vị sau:
  - + Các đơn vị trực thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường như: Trung tâm Kỹ thuật tài nguyên và Môi trường, và Phòng Tài nguyên - Môi trường cấp huyện, thị trong cả nước;
  - + Phụ trách công tác quản lý môi trường tại các UBND xã, phường, thị trấn, quận, huyện; viện nghiên cứu, các cơ quan quản lý kinh tế và khoa học, cơ quan quản lý chuyên ngành về tài nguyên;
  - + Tham gia các thành phần kinh tế xã hội khác có nhu cầu liên quan đến nghề nghiệp như công nhân viên trong các Ban quản lý khu chế xuất, khu công nghiệp, các nhà máy, xí nghiệp... xử lý, quản lý môi trường, các cơ quan tư vấn đánh giá tác động môi trường.
- Sinh viên tốt nghiệp đáp ứng được yêu cầu của nhà tuyển dụng thông qua kết quả lấy ý kiến doanh nghiệp hằng năm.



- Sinh viên tốt nghiệp có thể tiếp tục học liên thông lên ngành Quản lý Tài nguyên và môi trường trình độ Đại học theo quy định của Bộ giáo dục và Đào tạo.

#### 4. Khối lượng kiến thức và thời gian học tập

- Khối lượng kiến thức toàn khóa học: 1890/80 (giờ/tín chỉ)
- Số lượng môn học: 32
- Khối lượng học tập các môn học chung: 435/19 (giờ/tín chỉ)
- Khối lượng học tập các môn học chuyên môn: 1455/61 (giờ/tín chỉ)
- Khối lượng lý thuyết: 591 (giờ); thực hành, thực tập: 864/ (giờ/tín chỉ)

#### 5. Tổng hợp các năng lực của ngành, nghề

TT	Mã năng lực	Tên năng lực
I	Năng lực cơ bản (năng lực chung)	
1	NLCB-01	Năng lực sử dụng tiếng Anh giao tiếp ở cấp độ cơ bản (Bậc 2 theo KNLNNVN, tương đương CEFR A2)
2	NLCB-02	Năng lực sử dụng công nghệ thông tin đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông. Xác nhận trình độ kỹ
3	NLCB-03	Năng lực hiểu biết về chính trị, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối của Đảng, chủ trương, chính sách nhà nước.
4	NLCB-04	Năng lực hiểu biết về Nhà nước và pháp luật. Tôn trọng, sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật. Vận dụng kiến thức pháp



5	NLCB-05	Năng lực hiểu biết về hệ thống chính trị, pháp luật và quốc phòng - an ninh của nhà nước Việt Nam, tham gia xây dựng và bảo vệ Tổ quốc
6	NLCB-06	Đảm bảo khả năng đáp ứng về thể chất, sức khỏe đáp ứng yêu cầu của nghề nghiệp
<b>II Năng lực cốt lõi (năng lực chuyên môn)</b>		
1	NLCL-01	Phân tích các hiện tượng về môi trường tự nhiên
2	NLCL-02	Thực thi các pháp luật về môi trường và tài nguyên thiên nhiên
3	NLCL-03	Phân tích các thông số môi trường
4	NLCL-04	Xử lý ảnh và phân tích trên ứng dụng GIS
5	NLCL-05	Viết bài nghiên cứu khoa học
6	NLCL-06	Đo đạc và phân tích các thông số môi trường
7	NLCL-07	Khảo sát, phân tích, đánh giá tài nguyên rừng
8	NLCL-08	Đánh giá và lựa chọn các công cụ quản lý tài nguyên nước và biển
9	NLCL-09	Thực hiện các biện pháp quản lý chất thải rắn
10	NLCL-10	Phân loại và xử lý chất thải hữu cơ
11	NLCL-11	Xử lý được các loại nước thải
12	NLCL-12	Thực hiện báo cáo đánh giá tác động môi trường
13	NLCL-13	Xây dựng qui hoạch bảo vệ môi trường
14	NLCL-14	Xây dựng được kế hoạch quản lý vùng đất ngập nước
15	NLCL-15	Thực hiện các qui định thanh tra kiểm tra tài nguyên môi trường



16	NLCL-16	Nhận diện và quản lý môi trường đô thị và khu công nghiệp
17	NLCL-17	Sử dụng GIS trong quản lý môi trường
18	NLCL-18	Phân loại và thực hiện được các biện pháp bảo tồn đa dạng sinh học
<b>III Năng lực nâng cao</b>		
1	NLNC-01	Đảm bảo các kiến thức, kỹ năng mềm và nghề nghiệp giúp phát triển bản thân, tham gia hội nhập, khởi nghiệp
2	NLNC-02	Xác định nguyên nhân và tác động của biến đổi khí hậu
3	NLNC-03	Phân tích và lựa chọn những giải pháp năng lượng sạch
4	NLNC-04	
5	NLNC-05	Thực hiện các bước sản xuất sạch hơn trong doanh nghiệp
<b>IV Năng lực bổ trợ</b>		
1	NLBT-01	Có kỹ năng thuyết trình; kỹ năng đàm phán; kỹ năng định hướng và phát triển nghề nghiệp; kỹ năng làm việc trong môi trường áp lực;
2	NLBT-02	Có kỹ năng lãnh đạo; kỹ năng quản lý điều hành; kỹ năng xây dựng đội ngũ vững mạnh;
3	NLBT-03	Có kỹ năng quản lý và giải quyết xung đột; kỹ năng nghiên cứu khoa học, công nghệ;
4	NLBT-04	Có kỹ năng quan sát, kỹ năng lắng nghe, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng nhận thức về văn hóa xã hội và kỹ năng hội nhập.

## 6. Nội dung chương trình

Mã MH	Tên môn học	Số tín	Thời gian học tập (giờ)	
			Tổng	Trong đó



		chỉ số		Lý thuyết	Thực hành/thực tập/thí nghiệm/bài tập/thảo luận	Thi/ kiểm tra
<b>I</b>	<b>Các môn học chung</b>	<b>19</b>	<b>435</b>	<b>157</b>	<b>255</b>	<b>23</b>
CMC110	Giáo dục Chính trị	5	75	41	29	5
CMC204	Pháp luật	2	30	18	10	2
CMC202	Giáo dục thể chất	2	60	5	51	4
CMC111	Giáo dục Quốc phòng và An ninh	3	75	36	35	4
CMC103	Tin học	3	75	15	58	2
CMC210	Tiếng Anh	4	120	42	72	6
<b>II</b>	<b>Các môn học chuyên môn</b>	<b>61</b>	<b>1455</b>	<b>523</b>	<b>870</b>	<b>62</b>
<b>II.1</b>	<b>Môn học cơ sở</b>	<b>11</b>	<b>210</b>	<b>112</b>	<b>82</b>	<b>16</b>
CMT102	Cơ sở khoa học môi trường	2	30	28	0	2
CMT104	Pháp luật Tài nguyên và Môi trường	2	30	28	0	2
CTN212	Hoá học môi trường	3	60	26	28	6
CTN109	Hệ thống thông tin địa lý (GIS)	2	45	15	28	2
CTN114	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	45	15	26	4
<b>II.2</b>	<b>Môn học chuyên môn</b>	<b>42</b>	<b>1125</b>	<b>299</b>	<b>788</b>	<b>38</b>
CTN110	Quan trắc môi trường	3	75	15	54	6
CTN115	Quản lý tài nguyên rừng	2	45	15	26	4
CMT307	Quản lý tài nguyên nước và biển đảo	2	30	28	0	2
CTN210	Quản lý chất thải rắn	2	45	15	28	2
CTN306	Quản lý và tái sử dụng chất thải hữu cơ	2	30	28	0	2
CTN311	Kỹ thuật xử lý nước thải	3	75	15	54	6
CMT410	Đánh giá tác động môi trường	3	60	28	30	2
CMT408	Quy hoạch môi trường	2	30	28	0	2
CDD201	Quản lý đất ngập nước	2	30	28	0	2
CTN312	Thanh tra kiểm tra tài nguyên môi trường	2	30	28	0	2



CTN307	Quản lý môi trường đô thị và khu công nghiệp	3	60	30	26	4
CTN209	Ứng dụng GIS trong quản lý môi trường	2	45	13	30	2
CTN116	Bảo tồn đa dạng sinh học	2	30	28	0	2
CMT503	Thực tập doanh nghiệp 1	3	135	0	135	0
CMT602	Thực tập doanh nghiệp 2	4	180	0	180	0
TKL5555	Thực tập tốt nghiệp	5	225	0	225	0
CXH101	Công tác xã hội	1	60	0	60	0
<b>II.3</b>	<b>Môn học tự chọn, nâng cao</b>	<b>8</b>	<b>120</b>	<b>112</b>	<b>0</b>	<b>8</b>
CMT106	Năng lượng và môi trường	2	30	28	0	2
CTN111	Khí tượng thủy văn	2	30	28	0	2
CTN110	Biến đổi khí hậu	2	30	28	0	2
CTN211	Kinh tế môi trường	2	30	28	0	2
CDD301	Quản lý tài nguyên đất và khoáng sản	2	30	28	0	2
CMT301	Địa chất môi trường	2	30	28	0	2
CTN309	Sản xuất sạch hơn	2	30	28	0	2
CMT404	Quy hoạch phát triển nông thôn	2	30	28	0	2
<b>Tổng cộng</b>		<b>80</b>	<b>1890</b>	<b>680</b>	<b>1125</b>	<b>85</b>

## 7. Kế hoạch giảng dạy:

Học kỳ 1:

TT	Mã MH	Môn học	Số tín chỉ	Tổng số giờ	Phân bố số giờ		
					LT	TH	Thi/kiểm tra
		<b>Môn học bắt buộc</b>					
1	CMC103	Tin học	3	75	15	58	2
2	CMC110	Giáo dục Chính trị	4	75	41	29	5
3	CMC204	Pháp luật	2	30	18	10	2
4	CMC111	Giáo dục Quốc phòng và An ninh	4	75	36	35	4
5	CXH101	Công tác xã hội	1	<b>60</b>	0	60	0
		<b>Môn học tự chọn</b>					
1							
2							



<b>Tổng cộng:</b>	13	255	110	132	13
-------------------	----	-----	-----	-----	----

**Học kỳ 2:**

TT	Mã MH	Môn học	Số tín chỉ	Tổng số giờ	Phân bố số giờ		
					LT	TH	Thi/kiểm tra
		<b>Môn học bắt buộc</b>					
1	CMC210	Tiếng Anh	4	120	42	72	6
2	CMC202	Giáo dục thể chất	2	60	5	51	4
3	CMT102	Cơ sở khoa học môi trường	2	30	28	0	2
4	CTN114	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	45	15	26	4
5	CTN212	Hoá học môi trường	3	60	26	28	6
		<b>Môn học tự chọn</b>					
1	CMT106	Năng lượng và môi trường	2	30	28	0	2
2	CDD301	Quản lý tài nguyên đất và khoáng sản	2	30	28	0	2
		<b>Tổng cộng:</b>	<b>15</b>	<b>345</b>	<b>144</b>	<b>177</b>	<b>24</b>

**Học kỳ 3:**

TT	Mã MH	Môn học	Số tín chỉ	Tổng số giờ	Phân bố số giờ		
					LT	TH	Thi/kiểm tra
		<b>Môn học bắt buộc</b>					
1	CMT104	Pháp luật Tài nguyên và Môi trường	2	30	28	0	2
2	CTN110	Quan trắc môi trường	3	75	15	54	6
3	CTN210	Quản lý chất thải rắn	2	45	15	28	2
4	CMT307	Quản lý tài nguyên nước và biển đảo	2	30	28	0	2
5	CTN311	Kỹ thuật xử lý nước thải	3	75	15	54	6
6	CTN109	Hệ thống thông tin địa lý (GIS)	2	45	15	28	2
		<b>Môn học tự chọn</b>					
1	CTN111	Khí tượng thủy văn	2	30	28	0	2
2	CMT301	Địa chất môi trường	2	30	28	0	2
		<b>Tổng cộng:</b>	<b>16</b>	<b>330</b>	<b>144</b>	<b>164</b>	<b>22</b>

**Học kỳ 4:**

TT	Mã MH	Môn học	Số tín chỉ	Tổng số giờ	Phân bố số giờ		
					LT	TH	Thi/kiểm tra
		<b>Môn học bắt buộc</b>					
1	CMT410	Đánh giá tác động môi trường	3	60	28	30	2
2	CMT408	Quy hoạch môi trường	2	30	28	0	2
3	CDD201	Quản lý đất ngập nước	2	30	28	0	2
4	CTN115	Quản lý tài nguyên rừng	2	45	15	26	4
5	CTN209	Ứng dụng GIS trong quản lý môi trường	2	45	13	30	2
6	CTN307	Quản lý môi trường đô thị và khu công nghiệp	3	60	30	26	4



		Môn học tự chọn					
1	CTN110	Biến đổi khí hậu	2	30	28	0	2
2	CMT404	Quy hoạch phát triển nông thôn	2	30	28	0	2
<b>Tổng cộng:</b>			<b>16</b>	<b>300</b>	<b>170</b>	<b>112</b>	<b>18</b>

#### Học kỳ 5:

TT	Mã MH	Môn học	Số tín chỉ	Tổng số giờ	Phân bố số giờ		
					LT	TH	Thi/kiểm tra
<b>Môn học bắt buộc</b>							
1	CTN312	Thanh tra kiểm tra tài nguyên môi trường	2	30	28	0	2
2	CTN306	Quản lý và tái sử dụng chất thải hữu cơ	2	30	28	0	2
3	CMT503	Thực tập doanh nghiệp 1	3	135	0	135	0
<b>Môn học tự chọn</b>							
1	CTN211	Kinh tế môi trường	2	30	28	0	2
2	CTN309	Sản xuất sạch hơn	2	30	28	0	2
<b>Tổng cộng:</b>			<b>9</b>	<b>225</b>	<b>84</b>	<b>135</b>	<b>6</b>

#### Học kỳ 6:

TT	Mã MH	Môn học	Số tín chỉ	Tổng số giờ	Phân bố số giờ		
					LT	TH	Thi/kiểm tra
<b>Môn học bắt buộc</b>							
1	CTN116	Bảo tồn đa dạng sinh học	2	30	28	0	2
2	CMT602	Thực tập doanh nghiệp 2	4	180	0	180	0
3		Thực tập tốt nghiệp	5	225	0	225	0
<b>Môn học tự chọn</b>							
1							
2							
<b>Tổng cộng:</b>			<b>11</b>	<b>435</b>	<b>28</b>	<b>405</b>	<b>2</b>

### 8. Hướng dẫn sử dụng chương trình

- Đối với chương trình các môn học chung được thực hiện theo quy định của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội phối hợp với các Bộ/ngành tổ chức xây dựng và ban hành để áp dụng giảng dạy, cụ thể:

1. Môn Giáo dục quốc phòng - An ninh: Thực hiện theo Thông tư 10/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26/9/2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định chương trình, tổ chức dạy học và đánh giá kết quả môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng



2. Môn Tin học: Thực hiện theo Thông tư 11/2018/TT-BLĐTĐBXH ngày 26/9/2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành chương trình môn học tin học thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng; Công văn số 2468/TCGDNN-ĐTCQ ngày 23/11/2023 của Tổng cục giáo dục nghề nghiệp về việc khai thác, sử dụng mô đun đào tạo “Năng lực số”;

3. Môn Giáo dục thể chất: Thực hiện theo Thông tư 12/2018/TT-BLĐTĐBXH ngày 26/9/2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành chương trình môn học Giáo dục thể chất thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng.

4. Môn Pháp Luật: Thực hiện theo Thông tư 13/2018/TT-BLĐTĐBXH ngày 26/9/2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành chương trình môn học Pháp luật thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng.

5. Môn Giáo dục chính trị: Thực hiện theo Thông tư 24/2018/TT-BLĐTĐBXH ngày 06/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành chương trình môn học Giáo dục chính trị thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng.

6. Môn Anh Văn: Thực hiện theo Thông tư 03/2019/TT-BLĐTĐBXH ngày 17/01/2019 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành chương trình môn học Anh Văn thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng.

- Đối với chương trình đào tạo chuyên ngành Quản lý tài nguyên và môi trường trình độ Cao đẳng được thực hiện theo phương thức đào tạo tín chỉ. Chương trình có tổng số tín chỉ: 80 tín chỉ với các môn học và khối lượng được xây dựng như trên là những quy định bắt buộc bao gồm các nội dung sau:

+ Các môn học chuyên môn: bao gồm kiến thức cơ sở, kiến thức chuyên môn và kiến thức tự chọn.

+ Các kiến thức, kỹ năng bổ trợ, như: kỹ năng đàm phán, kỹ năng tìm việc, quản lý tài chính,... (theo Thông tư số 32/2021/TT-BLĐTĐBXH ngày 28/12/2021 Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định về lồng ghép giáo dục kiến thức, kỹ năng bổ trợ cho HSSV trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp)

- Đối với chương trình đào tạo chuyên ngành:

+ Được thực hiện theo phương thức tích lũy tín chỉ để đo khối lượng học tập của người học, thời gian của các hoạt động trong khóa học được tính theo giờ và quy ra đơn vị tín chỉ để xác định khối lượng học tập, mỗi năm học được chia



làm 02 học kỳ (5 tháng/1 học kỳ).

+ Một tín chỉ được quy định tối thiểu bằng 15 giờ học lý thuyết; hoặc bằng 30 giờ thực hành, thí nghiệm, thảo luận; hoặc bằng 45 giờ thực tập, làm tiểu luận, bài tập lớn, đồ án, khóa luận tốt nghiệp. Thời gian người học tự học, tự chuẩn bị có hướng dẫn là điều kiện cần để người học có thể tiếp thu được kiến thức, kỹ năng của nghề nhưng không được tính để quy đổi ra tín chỉ trong chương trình đào tạo.

+ Một giờ học lý thuyết là 45 phút, một giờ học thực hành/tích hợp/thực tập là 60 phút.

+ Khối lượng kiến thức lý thuyết và kỹ năng thực hành tùy theo từng ngành, nghề đào tạo phải đảm bảo tỷ lệ: Tỷ lệ giữa lý thuyết và thực hành: lý thuyết chiếm từ 30% - 50%; Thực hành, thực tập, thí nghiệm từ 50% - 70%

- Thực hiện nội dung và thời gian cho các hoạt động ngoại khóa:

+ Thực hiện theo Thông tư số 32/2021/TT-BLĐTBXH ngày 28/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội Quy định về lồng ghép giáo dục kiến thức, kỹ năng bổ trợ cho HSSV trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp; Quyết định số 338/QĐ-KTKT, ngày 19/9/2022 của Hiệu trưởng Trường về việc ban hành Quy định về lồng ghép giáo dục kiến thức, kỹ năng bổ trợ cho học sinh, sinh viên; đồng thời được lồng ghép với thực hiện Chương trình môn học Công tác xã hội thực hiện theo Quyết định số 476/QĐ-KTKT ngày 01/12/2022 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Cần Thơ về việc ban hành Chương trình môn học Công tác xã hội áp dụng cho HSSV các lớp cao đẳng, trung cấp hệ chính quy.

+ Các hoạt động dã ngoại, trải nghiệm,..... tùy theo từng ngành đưa thêm nội dung cụ thể cho phù hợp tình hình thực tế tại thời điểm theo tiến độ đào tạo)

- Thực hiện tổ chức thi kết thúc môn học: Việc tổ chức thi kết thúc môn học thực hiện theo Quy chế tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo phương thức tích lũy tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp được áp dụng theo quy định hiện hành của Trường.

- Thực hiện xét công nhận tốt nghiệp: Người học phải học xong chương trình và phải tích lũy đủ số tín chỉ theo quy định trong Chương trình đào tạo sẽ được Hội đồng xét tốt nghiệp xét đủ điều kiện để công nhận và cấp bằng tốt nghiệp trình độ Cao đẳng với ngành/ngành được đào tạo, cụ thể:

+ Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học được đánh giá theo thang điểm 4 đạt từ 2,00 trở lên.



+ Không trong thời gian: bị kỷ luật từ mức đình chỉ học tập có thời hạn trở lên, bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

- Về điều kiện Tin học, Ngoại ngữ: Thực hiện theo quy định của Thông tư số 12/2017/TT-BLĐTBXH ngày 20/4/2017 quy định khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng, cụ thể như sau:

+ Có trình độ tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT cơ bản theo quy định tại Thông tư 03/2014/TT-BTTTT của Bộ Thông Tin và Truyền Thông, đáp ứng yêu cầu công việc.

+ Có năng lực ngoại ngữ bậc 2/6 Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành trở lên.

- Trường cấp bằng tốt nghiệp cho người học:

+ Trình độ: Cao đẳng

+ Danh hiệu: Cử nhân thực hành

### **9. Các chú ý khác**

Chương trình này có giá trị sử dụng sau khi được thẩm định và có quyết định ban hành triển khai thực hiện kể từ ngày ký.

*Cần Thơ, ngày 8 tháng 8 năm 2024*



**Nguyễn Thành Long**